

QUI PHẠM GIÁM SÁT KỸ THUẬT VÀ ĐÓNG TÀU BIỂN VỎ THÉP CỖ NHỎ

PHẦN 2 KẾT CẤU THÂN TÀU VÀ TRANG THIẾT BỊ

Rules for the Technical Supervision and Construction of Sea-going Small Steel Ships

Part 2 Hull Construction and Equipment

CHƯƠNG 1 QUI ĐỊNH CHUNG

1.1 Phạm vi áp dụng

Những yêu cầu trong Phần này được áp dụng cho loại tàu một thân làm bằng thép và hợp kim nhôm có các tỷ số kích thước chính như sau:

$$\frac{L}{D} \leq 20; \frac{B}{D} \leq 4$$

Nếu các tỷ số kích thước chính của tàu vượt quá giới hạn nêu trên thì kết cấu thân tàu phải được xem xét riêng.

1.2 Định nghĩa và giải thích

1.2.1 Các kí hiệu và giải thích

Những ký hiệu sau đây được sử dụng trong **Phần 2** này và được hiểu như sau:

- (a) *L*: Chiều dài tàu là khoảng cách, tính bằng mét, đo tại đường nước chở hàng thiết kế lớn nhất, từ mặt trước của cửa sống mũi đến đường tâm trục bánh lái, hoặc bằng 96% chiều dài của đường nước này đo từ mặt trước của sống mũi đến mặt sau cùng của đuôi tàu, lấy trị số nào lớn hơn;
- (b) *B*: Chiều rộng tàu là khoảng cách nằm ngang, tính bằng mét, đo ở mặt phẳng sườn giữa, giữa hai mép ngoài của sườn tại đường nước chở hàng thiết kế lớn nhất;
- (c) *d*: Chiều chìm tàu là khoảng cách thẳng đứng, tính bằng mét, đo từ mặt trên của tôn giữa đáy đến đường nước chở hàng thiết kế lớn nhất;